

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index gần như duy trì đà giảm trong cả ngày hôm nay, nhưng sau khi giảm xuống dưới ngưỡng 1,630, lực cầu bắt đáy giúp chỉ số tăng vọt trở lại và đóng cửa tại mốc 1,678.5 điểm, tăng hơn 15 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin tiếp tục dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dầu khí, Hóa chất,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM, trong đó bán ròng khoảng 1.6 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Cây nến rút chân hôm nay là một tín hiệu tích cực cho thấy đà giảm đã chững lại phiên thứ hai liên tiếp, tuy nhiên thị trường cần giao dịch với biên độ chặt chẽ hơn để hình thành đáy ngắn hạn. Trong những phiên tới, VN-Index có thể tích lũy và tạo đáy trong vùng 1,620 – 1,680.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 22/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+15.07** điểm, đóng cửa tại **1678.5** điểm. HNX-Index **+4.04** điểm, đóng cửa tại **268.69** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPL (+2.09)**, **VHM (+1.96)**, **GAS (+1.70)**, **FPT (+1.59)**, **GVR (+1.02)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TCX (-0.46)**, **VIC (-0.35)**, **SHB (-0.35)**, **CRV (-0.24)**, **SSB (-0.19)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **27,898** tỷ đồng, giảm **-40.08%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 32,200 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 50.45 điểm. Thị trường có **213** mã tăng, 31 mã tham chiếu, **133** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1633.47** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **CTG (-184.02 tỷ)**, **HPG (-165.55 tỷ)**, **VCI (-149.83 tỷ)**, **MBB (-144.44 tỷ)**, **VCB (-129.91 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-199.40** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.11%**. Các mã diễn biến tích cực:

PVS (+4.48%) [\(Link báo cáo\)](#)

FPT (+4.30%) [\(Link báo cáo\)](#)

PDR (+4.08%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.38%**. Các mã diễn biến tích cực:

GAS (+5.36%) [\(Link báo cáo\)](#)

TCH (+4.88%) [\(Link báo cáo\)](#)

FRT (+4.49%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.11%	1.38%	0.91%	0.78%
1 tuần	-4.67%	-5.00%	-4.52%	-3.92%
1 tháng	-3.99%	-4.23%	2.70%	6.12%
3 tháng	1.40%	2.60%	10.35%	16.23%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,678.50	268.69	109.82
% 1D	0.91%	1.53%	0.33%
GTKL (tỷ VND)	27,898	2,510	490
%1D	-40.08%	-23.02%	-35.05%
GDNN (tỷ VND)	-1633.47	-199.40	-10.51

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	278.24	CTG	-184.02
TCX	125.34	HPG	-165.55
VRE	48.78	VCI	-149.83
GEX	35.47	MBB	-144.44
GMD	29.83	VCB	-129.91

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	22,954	-0.16%	1.92%
FTSE100	9,490	0.67%	0.69%
Eurostoxx	5,662	-0.43%	0.87%
Shanghai	3,914	-0.07%	0.04%
Nikkei	49,308	-0.02%	3.33%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

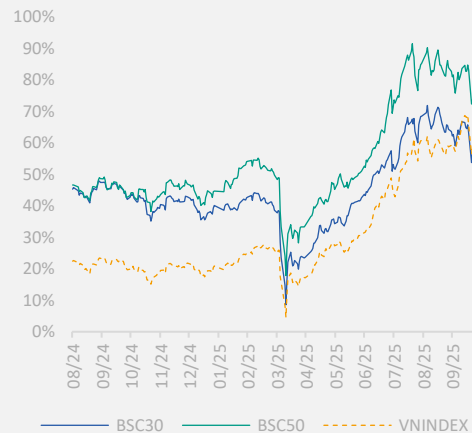
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.26	1.52%
Giá vàng	4,069	-1.34%

Tỷ giá		
USD/VND	26,353	
EUR/VND	31,364	-0.25%
JPY/VND	178	-0.51%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.9%	0.01%
LS LNH 1M	5.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

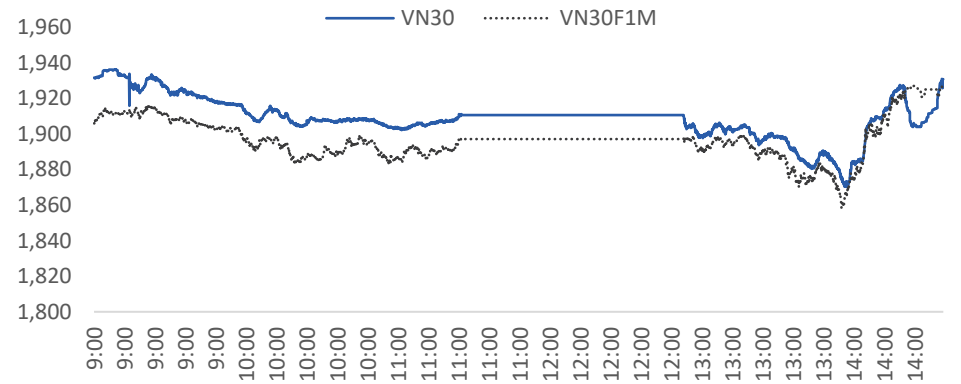
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1926.00	1.36%	400,622	-19.2%	20/11/2025	29
41I1G6000	1910.00	1.60%	107	12.6%	18/06/2026	239
VN30F2512	1920.40	1.34%	1,151	-43.0%	18/12/2025	57
41I1G3000	1904.90	1.30%	94	-60.83%	19/03/2026	148

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +14.98 điểm, đóng cửa tại 1930.88 điểm. Biên độ dao động 63.54 điểm. Các cổ phiếu như VPL, VHM, GAS, FPT, GVR tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên với thanh khoản ghi nhận sụt giảm dưới MA20. Thị trường vẫn đang chờ đợi tín hiệu và tin tức hỗ trợ để xác định xu hướng rõ ràng hơn. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 41I1G6000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMWG2520	23/02/2026	124	1,174,000	5.81%	77.88	2,340	23.8%	2.26	89.41	84.50	84.50
CMSN2508	19/11/2025	28	309,000	10.98%	79.78	790	23.4%	0.29	87.68	79.00	79.00
CFPT2404	4/11/2025	13	545,600	9.89%	103.64	230	21.1%	0.02	106.59	97.00	97.00
CVPB2520	4/05/2026	194	27,300	14.10%	22.22	3,130	15.9%	2.25	34.74	30.45	30.45
CMSN2509	19/12/2025	58	500,400	13.16%	82.00	740	15.6%	0.35	89.40	79.00	79.00
CMWG2407	4/11/2025	13	585,400	-0.14%	69.01	2,600	15.0%	2.64	84.39	84.50	84.50
CFPT2519	23/02/2026	124	818,900	30.89%	122.65	620	14.8%	0.10	126.96	97.00	97.00
CMSN2517	3/12/2025	42	76,100	18.72%	86.69	710	14.5%	0.14	93.79	79.00	79.00
CMWG2507	19/11/2025	28	19,800	-0.06%	65.72	1,900	14.5%	1.93	84.45	84.50	84.50
CMWG2514	23/12/2025	62	7,000	0.91%	63.09	4,500	13.6%	4.46	85.27	84.50	84.50
CFPT2523	25/03/2026	154	14,600	39.74%	117.80	710	12.7%	0.07	135.55	97.00	97.00
CFPT2516	23/01/2026	93	380,800	14.69%	102.64	990	12.5%	0.41	111.25	97.00	97.00
CVRE2509	19/11/2025	28	2,000	-1.86%	21.56	4,180	12.4%	4.38	38.28	39.00	39.00
CVIC2508	19/12/2025	58	100	-5.25%	61.00	26,270	12.1%	28.49	192.35	203.00	203.00
CVHM2516	23/06/2026	244	96,200	9.56%	79.00	11,200	12.0%	9.33	123.80	113.00	113.00
CMWG2503	27/10/2025	5	166,000	-1.07%	62.11	4,360	11.8%	4.55	83.60	84.50	84.50
CMWG2513	15/12/2025	54	765,900	0.97%	66.05	3,910	11.7%	3.86	85.32	84.50	84.50
CMWG2515	23/06/2026	244	35,000	6.82%	67.04	5,890	11.3%	5.46	90.26	84.50	84.50
CMWG2519	20/05/2026	210	90,700	10.41%	75.00	3,660	11.2%	3.04	93.30	84.50	84.50
CSTB2517	15/12/2025	54	45,000	1.95%	45.00	5,740	10.8%	5.48	56.48	55.40	55.40

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phí rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 22/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CMWG2520 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 23.81%. CVHM2514 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.54%.
 - CVHM2521, CTPB2510, CFPT2503, CSSB2509, CVPB2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2502, CVIC2507, CVIC2508, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VPL	79.00	6.61%	2.09
VHM	113.00	1.89%	1.96
GAS	59.00	5.36%	1.70
FPT	97.00	4.30%	1.59
GVR	26.50	4.33%	1.02

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
TCX	48.05	-1.84%	-0.46
VIC	203.00	-0.20%	-0.35
SHB	16.65	-2.06%	-0.35
CRV	33.70	-4.80%	-0.24
SSB	18.25	-1.62%	-0.19

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	79.00	6.61%	2.09	1.79
VHM	113.00	1.89%	1.96	4.11
GAS	59.00	5.36%	1.70	2.41
FPT	97.00	4.30%	1.59	1.70
GVR	26.50	4.33%	1.02	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	79.00	6.61%	2.09	1.79
VHM	113.00	1.89%	1.96	4.11
GAS	59.00	5.36%	1.70	2.41
FPT	97.00	4.30%	1.59	1.70
GVR	26.50	4.33%	1.02	4.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PNC	29.95	6.96%	0.01	0.00
TNI	5.84	6.96%	0.00	0.24
HT1	20.10	6.91%	0.12	2.77
DCL	31.00	6.90%	0.03	1.23
SVC	27.90	6.90%	0.04	0.10

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIT	20.00	9.89%	0.36	0.00
BXH	16.80	9.80%	0.02	0.01
CEO	31.40	9.79%	6.30	37.65
VCM	10.20	9.68%	0.04	0.01
L14	35.20	9.66%	0.38	0.23

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCX	48.05	-1.84%	-0.46	2.31
VIC	203.00	-0.20%	-0.35	3.88
SHB	16.65	-2.06%	-0.35	4.59
CRV	33.70	-4.80%	-0.24	0.67
SSB	18.25	-1.62%	-0.19	2.85

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCX	48.05	-1.84%	-0.46	2.31
VIC	203.00	-0.20%	-0.35	3.88
SHB	16.65	-2.06%	-0.35	4.59
CRV	33.70	-4.80%	-0.24	0.67
SSB	18.25	-1.62%	-0.19	2.85

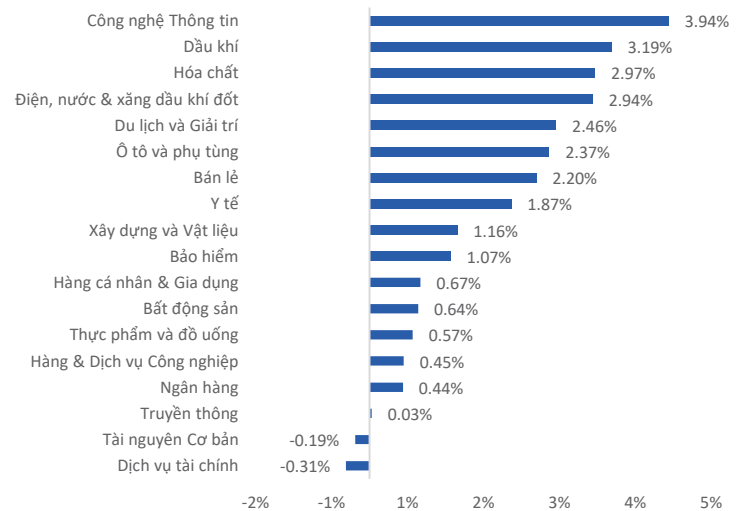
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPS	10.65	-6.99%	0.00	0.17
HU1	6.69	-6.82%	0.00	0.01
LGC	55.00	-6.78%	-0.18	0.00
ABR	12.50	-6.72%	0.00	0.00
SRF	7.52	-6.70%	0.00	0.01

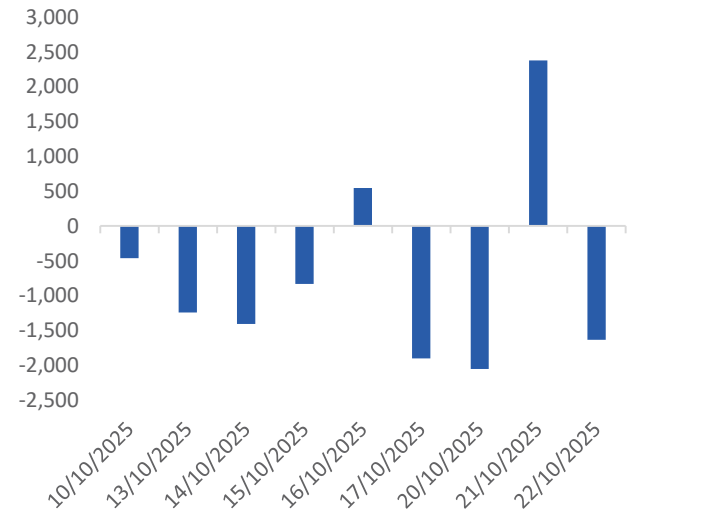
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTX	28.70	-9.75%	-0.07	0.00
SDU	18.10	-8.59%	-0.11	0.00
NAP	10.80	-8.47%	-0.07	0.00
PRC	17.00	-8.11%	-0.02	0.00
CTP	7.40	-7.50%	-0.02	0.02

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	84.5	1.8%	1.3	122,712	710.9	3,304	25.1	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	33.8	1.7%	1.2	31,313	175.7	1,835	18.1	46,000	10.9%	Link
KDH	Bất động sản	32.2	1.4%	1.4	35,630	210.0	716	44.4	39,900	27.2%	Link
PDR	Bất động sản	24.3	4.1%	1.6	22,830	542.6	177	131.9	28,200	10.3%	Link
VHM	Bất động sản	113.0	1.9%	0.9	455,512	845.8	6,984	15.9	92,000	9.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	97.0	4.3%	0.6	158,426	1873.1	5,092	18.3	118,700	36.1%	Link
BSR	Dầu khí	27.3	3.8%	0.0	81,543	162.0	(16)		23,200	0.6%	Link
PVS	Dầu khí	30.3	4.5%	1.6	13,861	111.8	2,644	11.0	42,800	9.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.8	2.1%	1.4	26,189	157.1	1,178	20.6		35.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	38.5	-0.4%	1.4	80,130	1264.3	1,565	24.7		36.1%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.5	-0.5%	1.3	27,242	402.0	1,589	23.7		23.0%	
DCM	Hóa chất	34.5	1.9%	1.3	17,894	92.7	3,186	10.6	47,300	4.9%	Link
DGC	Hóa chất	91.0	2.0%	1.4	33,876	217.5	8,175	10.9	109,300	12.3%	Link
ACB	Ngân hàng	25.1	0.4%	0.9	128,416	389.8	3,305	7.6	28,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	37.2	0.4%	1.0	260,141	146.9	3,683	10.1	49,500	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	50.5	1.1%	1.2	268,231	582.0	5,608	8.9	53,500	26.0%	Link
HDB	Ngân hàng	32.5	0.5%	1.2	124,364	603.5	3,936	8.2	30,800	16.5%	Link
MBB	Ngân hàng	25.5	0.6%	1.2	203,791	746.0	3,046	8.3	32,000	21.7%	Link
MSB	Ngân hàng	12.5	0.8%	1.1	38,532	82.1	1,634	7.6	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	55.4	-0.4%	1.0	104,818	310.5	6,148	9.0		17.2%	
TCB	Ngân hàng	38.0	0.9%	1.0	266,797	894.5	3,017	12.5	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	18.2	-0.3%	1.2	48,084	146.5	2,423	7.5	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	59.6	0.5%	0.9	495,492	277.2	4,148	14.3	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	18.7	0.0%	0.9	63,485	116.0	2,218	8.4	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	30.5	0.3%	1.1	240,795	844.9	2,603	11.7	35,600	23.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.7	-0.4%	1.3	205,702	1037.1	1,750	15.3	34,300	18.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.6	-0.3%	1.3	10,308	87.8	751	22.1	23,800	7.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.6	-0.4%	1.3	9,891	67.1	4,124	6.2	31,700	3.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.0	1.3%	1.2	112,781	1095.1	1,860	41.9	92,700	23.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.3	-0.4%	0.8	118,082	217.9	4,101	13.8	64,500	49.0%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.0	3.86%	1.4	8,305	47.3	2,215	17.0	20.1%		Link
FRT	Bán lẻ	144.4	4.49%	0.9	23,536	135.6	3,163	43.7	31.5%		Link
BVH	Bảo hiểm	49.3	0.61%	1.2	36,374	7.1	3,278	15.0	27.0%		
DIG	Bất động sản	22.5	2.74%	1.4	17,442	441.7	210	104.4	6.2%		
DXG	Bất động sản	20.5	2.50%	1.5	20,378	550.7	350	57.2	23.0%		Link
HDC	Bất động sản	37.1	3.06%	1.4	6,421	238.6	3,424	10.5	7.6%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.8	2.42%	1.6	11,469	121.4	540	57.4	19.5%		Link
IDC	Bất động sản	35.5	0.00%	1.4	13,472	67.8	3,977	8.9	12.2%		Link
NLG	Bất động sản	37.5	2.04%	1.3	17,831	92.6	1,703	21.6	46.4%		Link
SIP	Bất động sản	52.4	1.75%	1.1	12,469	95.4	5,215	9.9	3.3%		
SZC	Bất động sản	29.3	-1.68%	1.1	5,364	23.3	1,763	16.9	2.7%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	22.6	4.88%	1.4	18,677	191.1	1,101	19.5	12.3%		Link
VIC	Bất động sản	203.0	-0.20%	0.9	783,703	3265.9	3,487	58.3	3.8%		
VRE	Bất động sản	39.0	0.52%	0.9	88,166	556.6	1,937	20.0	14.9%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	38.5	0.26%	1.3	8,131	15.1	1,700	22.6	38.3%		Link
PLX	Dầu khí	34.3	2.70%	1.0	42,374	70.0	1,661	20.1	15.4%		Link
PVD	Dầu khí	19.8	0.51%	1.3	10,951	63.4	1,428	13.8	3.5%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.0	1.64%	1.4	11,590	41.7	1,262	26.5	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.8	1.02%	1.7	19,432	121.3	1,682	17.5	5.5%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	59.0	5.36%	1.1	135,125	59.9	5,002	11.2	1.7%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.6	1.50%	1.3	31,264	69.2	636	21.0	2.6%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.8	0.49%	0.8	33,312	16.9	4,417	13.9	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	180.2	0.11%	0.9	106,490	581.2	3,427	52.5	7.2%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.5	-0.89%	1.5	50,534	846.1	1,736	32.3	9.1%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	67.0	1.52%	1.2	28,149	131.9	3,823	17.3	42.6%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.0	0.92%	1.1	9,203	72.9	5,700	9.6	6.0%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.3	1.47%	1.2	7,989	25.0	2,306	7.4	8.4%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	112.5	1.35%	0.0	13,518	148.1	3,317	33.5	4.9%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	87.7	0.92%	1.1	29,646	107.2	6,110	14.2	48.5%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.0	0.18%	1.0	3,131	17.5	2,693	10.4	49.0%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.4	0.55%	1.4	2,356	6.0	2,886	6.3	17.5%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.5	1.29%	1.1	15,774	87.3	957	24.2	5.3%		Link
GVR	Hóa chất	26.5	4.33%	1.3	101,600	55.1	1,331	19.1	0.3%		
EIB	Ngân hàng	23.4	-1.68%	1.3	44,333	190.8	1,783	13.4	4.6%		Link
LPB	Ngân hàng	49.9	1.84%	0.5	146,377	131.7	3,469	14.1	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.2	-1.39%	0.0	24,706	24.8	2,260	6.4	1.4%		Link
OCB	Ngân hàng	12.8	2.41%	0.9	33,155	33.3	1,130	11.0	19.5%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.1	1.58%	1.4	7,094	142.8	666	23.8	5.1%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	31.3	0.97%	1.4	8,254	54.3	2,829	11.0	4.6%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.9	-0.60%	0.6	10,063	47.6	1,981	16.7	3.1%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	44.8	0.79%	0.6	57,010	22.2	3,185	14.0	58.3%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.6	2.96%	1.1	12,120	46.8	6,444	8.4	19.0%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	174.0	2.96%	0.5	13,834	27.2	14,639	11.5	85.0%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.1	1.31%	1.3	8,520	80.0	4,565	18.4	48.6%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	85.9	-1.15%	1.2	9,940	43.8	4,930	17.6	5.3%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.5	2.30%	1.4	4,385	51.0	2,518	17.3	5.7%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.8	0.00%	1.3	7,362	127.0	1,077	13.7	10.4%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.4	-0.67%	1.1	8,047	58.5	1,189	18.9	13.7%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.0	1.96%	1.2	16,485	254.4	1,195	21.3	7.8%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.5	2.99%	1.5	20,221	48.7	3,090	14.6	4.5%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>